

BÀN VỀ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN TRONG PHÁP LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Ngô Thanh Hoàng*

Ngày nhận: 13/01/2015
Ngày nhận bản sửa: 13/3/2015
Ngày duyệt đăng: 30/6/2015

Tóm tắt:

Thông tin do kế toán, kiểm toán mang lại là nền tảng, cơ sở cho hiệu quả quản lý Ngân sách nhà nước; khoa học kế toán phát triển cần kết hợp chặt chẽ với công nghệ thông tin, truyền thông, đảm bảo thông tin đúng, đủ, kịp thời. Luật Ngân sách Nhà nước 2002 quy định chưa đủ các nội dung về kế toán, kiểm toán là một hạn chế lớn. Đề xuất nội dung luật Ngân sách Nhà nước cần sửa đổi ở phần quy định về kế toán, kiểm toán bao gồm: Quy định rõ cơ sở kế toán là dồn tích trong hạch toán kế toán Ngân sách Nhà nước, quy định về hệ thống chuẩn mực kế toán công như là một yêu cầu bắt buộc trong xử lý thông tin về tài chính, Ngân sách Nhà nước. Cần quy định rõ về kế toán tài chính và kế toán quản trị; kỳ kế toán năm trong hoạt động liên tục, kế toán chuyển nguồn; quy định về tổng kế toán nhà nước, quy định rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của các bên, đặc biệt đối với chủ tài khoản và kế toán trưởng. Về kiểm toán cần quy định rõ ba nội dung kiểm toán và cơ cấu tổ chức kiểm toán địa phương trực thuộc hội đồng nhân dân tỉnh.

Từ khóa: Chuẩn mực kế toán công, kế toán, kiểm toán, Ngân sách Nhà nước, tổng kế toán Nhà nước.

Discussion of accounting and auditing in the state budget law

Abstract:

Information provided by the accounting and auditing is the foundation for the efficiency of the state budget management. The development of accounting science should be incorporated with the information technology and communications to ensure the right information in the right format, at the right time. This paper analyzes and identifies the limitations of the 2002 State Budget Law. The paper also proposes some amendments and supplements to the Law.

Keywords: Accounting, auditing, budget, public accounting standard, State general accounting.

1. Dẫn nhập

Nhân loại đang tiến tới kỷ nguyên của công nghệ, công nghệ thông tin, và Việt Nam cũng không ngoại lệ như Albert Einstein đã nói: “Nó đã trở nên rõ rệt tới kinh hoàng rằng công nghệ đã vượt xa nhân loại” (Danh ngôn nhân loại, 2015). Có nhà kinh tế cho rằng, thế giới chỉ có thể phát triển, chuyển bước về

chất nhằm tăng năng suất lao động nếu áp dụng và phát triển công nghệ nói chung và công nghệ thông tin nói riêng.

Quản lý ngân sách nhà nước (NSNN) quyết định sự thành bại của bất cứ quốc gia nào, đơn giản bởi trong cơ chế thị trường tài chính là hạt nhân trong mọi hoạt động và ngân sách là tâm của hoạt động

nhà nước. Tuy nhiên để quản lý NSNN tốt thì điều kiện tiên quyết là thông tin đúng, đủ, kịp thời về thu, chi, thặng dư hay thâm hụt ngân sách lại phụ thuộc vào khoa học kế toán, kiểm toán. Ngày nay trong thời đại thông tin và công nghệ phát triển; khoa học kế toán, kiểm toán đã chuyển mình sang trang mới, sự kết hợp giữa khoa học kế toán, kiểm toán với công nghệ thông tin đã thực sự trở thành đòn bẩy cho quản lý nhà nước nói chung và quản lý NSNN nói riêng.

Bài viết này tập trung đi vào kiến nghị việc sửa đổi luật NSNN về mảng kế toán, kiểm toán. Việc sửa đổi các nội dung của kế toán, kiểm toán nhằm vào các mục tiêu chủ yếu sau:

- Tăng cường hiệu quả trong thông tin quản lý tài chính công và quản trị công bằng áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trên thế giới và Việt Nam trong công tác kế toán, kiểm toán NSNN.

- Tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước nói chung và quản lý ngân sách nói riêng, mà đặc biệt là có thể đánh giá hiệu quả hoạt động đảm bảo kết hợp hài hòa được phương thức quản lý ngân sách đầu vào và quản lý ngân sách theo kết quả đầu ra; kết hợp, lồng ghép được ngân sách niên độ với ngân sách trung và dài hạn giải quyết bài toán hoạt động liên tục và hoạt động theo niên độ ngân sách.

- Giúp cho quản trị trong khu vực công ngày càng được công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả

- Đảm bảo bốn nhiệm vụ của kế toán bao gồm: Thu thập, xử lý thông tin; kiểm tra giám sát hoạt động tài chính; phân tích và tư vấn cho các cấp lãnh đạo, quản lý, quản trị; và cung cấp thông tin được thực thi với hiệu quả cao nhất (Điều 5, luật kế toán số 03/2003/QH11).

2. Đánh giá yếu điểm của hệ thống kế toán công, kiểm toán trong thực hiện các mục tiêu theo luật ngân sách nhà nước 2002

Đầu năm 2013, hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis) chính thức đi vào vận hành trên toàn quốc, đánh dấu bởi sự ra đời của thông tư số 08/2013/TT - BTC hướng dẫn thực hiện kế toán Nhà nước áp dụng cho Tabmis (Bộ Tài chính, 2013), đã cho phép tích hợp các thông tin trong quản lý tài chính công, tuy nhiên chủ yếu là quản lý NSNN. Đánh giá hệ thống thông tin này nói riêng và hệ thống thông tin quản lý tài chính công tại Việt Nam hiện hành ngoài những điểm tích cực

như đã có bước tiến dài đó là tích hợp được thông tin trên hệ thống Tabmis,... Tuy nhiên, những mặt hạn chế mới là nội dung cần phân tích và tìm cách cải thiện, cách tân ở bài viết này.

Hệ thống thông tin kế toán công trong những năm qua có nhiều hạn chế, trong đó những hạn chế không thể không nhắc đến gồm:

Thứ nhất, hệ thống thông tin quản lý tài chính công chủ yếu dựa trên thông tin do kế toán công cung cấp dưới dạng kế toán tài chính, chưa chú trọng hệ thống kế toán quản trị, với những nhu cầu và hệ thống thông tin cần có đã trình bày ở trên thì hệ thống thông tin kế toán quản trị thực sự cần thiết, nó cho phép kết hợp với thông tin kế toán tài chính nhằm phân tích, đưa phương án cho nhà lãnh đạo, nhà quản lý ra quyết định.

Thứ hai, hệ thống Tabmis hiện hành còn thiếu sự tham gia, tích hợp thông tin của các bộ phận, chủ thể quản lý như: Vấn đề công sản chưa được tích hợp thông tin, nợ công chưa có thông tin đầy đủ, cơ quan lập pháp chưa được kết nối với hệ thống, tài chính cơ sở cấp xã phường còn đứng ngoài cuộc, việc hạch toán vẫn phân tán, tồn kém nguồn lực, cơ quan kiểm toán chưa có cổng thông tin tham gia kết nối, chưa xây dựng được tài khoản kho bạc duy nhất (TSA) cho quản lý tài chính công.

Thứ ba, hệ thống kế toán công ở Việt Nam quá cồng kềnh, kém hiệu quả, chưa hoàn thiện, cơ sở kế toán chưa đồng nhất, chuẩn mực kế toán công chưa được ban hành, tổng kế toán Nhà nước mới đang ở giai đoạn phôi thai. Các đối tượng kế toán công chưa nghiên cứu bài bản, có đối tượng chưa được theo dõi, nhưng có đối tượng được cung cấp thông tin chồng lấn.

Thứ tư, quy định về vai trò và nhiệm vụ của các bên còn chưa rõ ràng. Với nguyên tắc tự cân đối của ngân sách mỗi cấp, tự chủ trong sử dụng ngân sách và phân bổ ngân sách theo ngành dự toán tới từng đơn vị cụ thể, nảy sinh tính pháp lý của chủ tài khoản và kế toán trưởng trong cơ quan, đơn vị nhà nước chưa được điều chỉnh đồng bộ, làm giảm hiệu quả quản lý NSNN.

Thứ năm, quy định về kiểm soát chi NSNN theo từng mục làm tăng khối lượng công việc kiểm soát, tăng thời gian kiểm soát, và làm giảm hiệu quả hoạt động, giảm tính thanh khoản của đồng vốn NSNN cấp, tính tự chủ và hiệu quả và tiết kiệm chi NSNN

chưa được phát huy đúng mức.

Thứ sáu, về kiểm toán: Điều 66 Luật NSNN 2002 (Quốc hội, 2002) quy định, mọi báo cáo quyết toán trình lên hội đồng nhân dân và quốc hội phải được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán nhà nước. Tuy nhiên hệ thống kiểm toán nhà nước hiện nay với số lượng cán bộ và số khu vực kiểm toán còn ít, chưa thể đáp ứng được yêu cầu này, mà chủ yếu mới kiểm toán theo trọng yếu. Việc quy định nội dung, quy trình kiểm toán còn chưa thật chặt chẽ, chưa quy định thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan kiểm toán nhà nước.

Các nguyên nhân hạn chế cơ bản ở trên phần lớn xuất phát từ luật NSNN 2002 quy định về kế toán, kiểm toán còn yếu và thiếu, chúng ta chưa quy định cụ thể cơ sở kế toán, các cấu phần và hệ thống công cụ kế toán cần có trong cung cấp thông tin, các loại đối tượng kế toán, thông tin cần cung cấp.

3. Kiến nghị, đề xuất chỉnh sửa luật ngân sách nhà nước 2002 về kế toán, kiểm toán

3.1 Kiến nghị, đề xuất những quy định về kế toán

Thứ nhất, Luật NSNN nên quy định rõ cơ sở kế toán tiền mặt hay dồn tích trong hạch toán, quản lý NSNN

Nội dung này sẽ quyết định hầu hết các cách thức tổ chức hạch toán và cung cấp thông tin, chi phối tới hiệu quả quản lý NSNN. Để đảm bảo lựa chọn một cách tốt nhất cơ sở kế toán tiền mặt hay cơ sở kế toán dồn tích, chúng ta cần phân biệt được ưu nhược điểm của từng cơ sở kế toán này trong quản lý và điều hành ngân sách cũng như quản trị công, cụ thể như sau:

Về mức độ dễ hiểu, dễ làm: Cơ sở kế toán tiền mặt rất dễ hiểu, dễ làm vì nó đơn giản chỉ là phản ánh luồng tiền vào và luồng tiền ra; cơ sở kế toán dồn tích phức tạp hơn, phản ánh những giao dịch cam kết, tài sản và cả các nghiệp vụ trong tương lai như các giá trị tiềm tàng. Như vậy để đảm bảo giải trình trước người dân và các bên có chuyên môn về kỹ thuật tài chính kế toán chưa cao thì áp dụng cơ sở kế toán tiền mặt sẽ giúp họ dễ hiểu hơn, tuy nhiên lại mất hẳn đi mục tiêu phục vụ thông tin tốt nhất, đầy đủ, kịp thời cho lãnh đạo, quản lý và quản trị, làm giảm hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội,...

Về yếu tố toàn diện thông tin: Cơ sở kế toán tiền

mặt có nhược điểm rất lớn đó là chỉ có thông tin về tiền mặt, không có thông tin về công nợ, tài sản,... vì thế không phản ánh đủ tình hình hoạt động của các đơn vị kế toán trên các báo cáo. Ngược lại, cơ sở kế toán dồn tích lại cung cấp đủ thông tin tiền mặt lẫn thông tin khác như tài sản, công nợ... từ đó cung cấp một cách đầy đủ tất cả các hoạt động cũng như tình hình tài sản của đơn vị, giúp cho nhà quản lý, nhà điều hành, chính phủ đưa ra những quyết định đúng đắn, cũng như kịp thời sửa sai rút kinh nghiệm bởi các quyết định kinh tế đưa ra trước đó, kế thừa và tạo ra các quyết định hữu ích trong tương lai.

Về việc quản lý tính thanh khoản và tài sản phi tài chính: Cơ sở kế toán dồn tích có cơ sở xác định tốt hơn, chính xác hơn cơ sở kế toán tiền mặt. Cơ sở kế toán dồn tích ghi nhận tài sản, sự phát sinh, sự vận động của tài sản, các tài sản thiếu hoặc thừa chưa rõ nguyên nhân đều được ghi nhận để chờ xử lý... từ đó sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin về tài sản và tình hình sử dụng tài sản cho nhà quản lý hơn cơ sở kế toán tiền mặt.

Về tính tương thích: Cơ sở kế toán tiền mặt thường không được giải thích rõ và không phù hợp với GFS (Government Finance Statistics System – Hệ thống thống kê tài chính chính phủ) và SNA (System of National Accounts – Hệ thống tài khoản quốc gia), trong khi đó hạch toán dồn tích lại phù hợp với GFS và SNA và do vậy kết quả sẽ được thế giới công nhận.

Về đo lường tính bền vững của các chính sách tài khóa và xem xét sự bình đẳng của các thể hệ tránh dồn nợ cho thế hệ sau: thông tin cơ sở kế toán dồn tích rõ ràng hơn, cho phép liên tục công bố nợ công bình quân trên đầu người, tính toán được mức huy động vào NSNN cần phải đạt được so với chi tiêu của từng thế hệ.

Về cơ sở để xây dựng chiến lược tài khóa và trách nhiệm giải trình: Thông tin cơ sở kế toán dồn tích có tính hữu ích cao hơn cơ sở kế toán tiền mặt do vậy nên chọn cơ sở kế toán dồn tích, sử dụng cơ sở kế toán dồn tích cho phép giải trình dựa trên nhiều căn cứ hơn, nhiều luồng thông tin hơn và đầy đủ hơn, trách nhiệm cao hơn.

Tóm lại, hiện nay hầu hết các quốc gia trên thế giới đã chuyển đổi cơ sở kế toán tiền mặt sang kế toán dồn tích vì những ưu việt do cơ sở kế toán dồn

tích mang lại, rõ ràng cơ sở kế toán dồn tích ở trình độ khoa học, công nghệ cao hơn và phù hợp với công nghệ tin học và thông tin hiện hành. Mặt khác dùng cơ sở kế toán dồn tích không có nghĩa là chúng ta thiếu thông tin về tiền và tương đương tiền, chúng ta có báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kế toán dựa trên cơ sở dồn tích với luồng thông tin đầy đủ hơn cả báo cáo về tiền của kế toán dựa trên cơ sở tiền mặt.

Vì thế tác giả cho rằng: Luật NSNN cần quy định rõ việc hạch toán kế toán NSNN là theo cơ sở kế toán dồn tích, và điều này cũng phù hợp với thực trạng hiện hành của kế toán công Việt Nam, chủ yếu là trên cơ sở kế toán dồn tích.

Thứ hai, cần quy định rõ về kế toán tài chính và kế toán quản trị

Hiện nay Việt Nam mới chú trọng tới báo cáo tài chính, tức là chú trọng tới nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã hoàn thành, hay nói cách khác thông tin kế toán tài chính công cung cấp đã là quá khứ, vì thế thông tin về hiện tại và tương lai phục vụ lãnh đạo, quản lý và quản trị công là thiếu và yếu. Chính vì vậy cần quy định cụ thể về kế toán quản trị, trong đó nhấn mạnh đến mục lục NSNN và GFS,... và các báo cáo theo yêu cầu quản trị.

Thứ ba, về vấn đề kỳ kế toán năm trong hoạt động liên tục và vấn đề kế toán chuyển nguồn

Các hoạt động kinh tế tài chính diễn ra liên tục và không thể bị ngắt quãng bởi thời điểm 31/12; chính vì thế việc hạch toán NSNN theo niên độ (theo quy định tại điều 62 luật NSNN 2002) sẽ có nhiều vướng mắc, hay nói cách khác thu, chi ở năm ngân sách nào phải được ghi thu và ghi chi vào năm ngân sách đó, tuy nhiên thực trạng là phần lớn các khoản chi không thường xuyên đặc biệt là xây dựng cơ bản khi chưa sử dụng hết lại sử dụng giải pháp chi chuyển nguồn và lúc đó tạo ra số chi NSNN ảo cho năm báo cáo và thu NSNN ảo cho năm kế hoạch, làm số liệu kế toán NSNN không thực tế. Bài toán này sẽ được nghiên cứu và sửa đổi theo hướng quản lý ngân sách trung hạn, và vì thế kế toán cũng cần quy định, thiết kế cho nội dung này. Theo tác giả, cần quy định thêm các kỳ kế toán không chỉ là tháng, quý năm mà có thể là kỳ trung hạn, và lúc đó việc thu chi chuyển nguồn sẽ cần có báo cáo giải trình riêng, không tính vào thu, chi NSNN năm thực hiện và năm kế hoạch đảm bảo tính xác thực của thông tin NSNN.

Thứ tư, cần quy định về việc ban hành chuẩn mực kế toán công

Những vướng mắc về thông tin tài chính, ngân sách không được thống nhất giữa các bên quản lý và đối tượng quản lý xuất phát phần lớn từ các quy định hàm chứa trong nhiều tầng pháp lý, nhiều hệ thống luật, vì thế cần thống nhất quy định về kế toán công trong hệ thống chuẩn mực. Từ đó tác giả đề xuất luật NSNN sửa đổi cần có điều khoản quy định về luật kế toán công, chuẩn mực kế toán công ở Việt Nam. Nếu có riêng luật kế toán công bóc tách khỏi luật kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh thì điều này cũng đồng bộ với việc sửa đổi luật kế toán trong thời gian tới. Tại hội thảo do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam - VCCI đại diện tổ chức tại Hà Nội ngày 15/05/2013 về sửa đổi luật kế toán 2003 (Quốc hội, 2003), tác giả cũng đã đề xuất xây dựng riêng luật kế toán công. Ý kiến này được đánh giá cao bởi các nhà nghiên cứu và nhà quản lý cũng như đối tượng quản lý.

Thứ năm, cần có điều khoản quy định về tổng kế toán nhà nước

Việc cho ra đời tổng kế toán nhà nước theo đề án mà Bộ Tài chính đã trình Chính phủ (Bộ Tài chính, 2014) là việc làm hết sức khoa học và hiệu quả, cho phép ứng dụng khoa học công nghệ mà đặc biệt là công nghệ thông tin một cách tối ưu, nâng cao năng suất và hiệu quả trong cung cấp thông tin về tài chính công nói chung và NSNN nói riêng. Tổng kế toán nhà nước phải được quy định chức năng, nhiệm vụ, nội dung và tổ chức thực thi, tính khả thi nhất hiện nay là tổng kế toán được thiết lập gắn chặt với hệ thống Kho bạc nhà nước, tổng kế toán nhà nước cung cấp thông tin tài chính chung của Chính phủ không chỉ bao gồm NSNN mà còn các dòng thu, chi tài chính chính phủ, tài sản nhà nước, và các hoạt động khác của chính phủ, trong bối cảnh chưa có luật tài chính nhà nước, thì vấn đề quy định cụ thể về tổng kế toán nhà nước là một việc rất quan trọng, đảm bảo thông tin đầy đủ, kịp thời giúp Chính phủ hoạch định các chính sách, kế hoạch và chiến lược có cơ sở chắc chắn hơn.

Thứ sáu, những điều khoản về báo cáo, quyết toán

Quy định cần làm rõ kế toán công thực thi báo cáo tổng hợp hay báo cáo hợp nhất. Theo Ngô Thanh Hoàng (2014, tr. 110), việc quy định hợp nhất báo cáo từ cấp huyện lên tỉnh và trung ương

cần được ban hành vì những ưu việt của khoa học hợp nhất báo cáo mang lại như: hệ thống thông tin toàn diện, đầy đủ, nhanh chóng và tiết kiệm thời gian, nhân lực hơn báo cáo tổng hợp, cùng với việc áp dụng khoa học công nghệ thông tin thì Báo cáo hợp nhất sẽ là nguồn thông tin rất hữu ích cho Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân các cấp cũng như các cơ quan chuyên môn trong điều hành, quản lý thanh, kiểm tra giám sát NSNN.

Thời hạn quyết toán quy định trong điều 67 luật NSNN 2002 hiện nay là 18 tháng là quá dài, thông tin về quyết toán NSNN trên phạm vi quốc gia không còn nhiều ý nghĩa. Việc quy định lập báo cáo hợp nhất cho phép rút ngắn thời gian quyết toán NSNN, tác giả cho rằng nếu quy định phải lập báo cáo hợp nhất về ngân sách các cấp thì thời gian quyết toán có thể giảm xuống được là 12 tháng.

3.2. Những kiến nghị quy định về kiểm toán

Trong phần này tác giả phân tích nhằm giải quyết bài toán: *Việc phân bổ dự toán và báo cáo quyết toán NSNN trước khi trình Hội đồng nhân dân và Quốc hội phê chuẩn phải được kiểm toán* (điều 66 luật NSNN 2002). Cơ quan giám sát (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) đội ngũ chuyên môn sâu chưa mạnh và chưa đủ đặc biệt là đội ngũ chuyên trách, thời gian thảo luận tại nghị trường ngắn, nhưng phải thông qua dự toán và quyết toán với số liệu, và các mối quan hệ kinh tế nằm sau số liệu dự toán và quyết toán lại quá lớn. Chính vì thế, tác giả cho rằng cần có cơ quan chuyên trách kiểm toán giúp Hội đồng nhân dân và Quốc hội kiểm tra trước khi phê duyệt.

Hơn thế nữa, để giải trình trách nhiệm của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trước Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thì các báo cáo cần chỉ ra hiệu quả hoạt động của các đơn vị thu, chi NSNN và các hoạt động tài chính khác của Nhà nước... Hiện nay cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo nghị định 43/2006/NĐ-CP (Chính phủ, 2006) cho phép các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí NSNN tự chủ kinh phí, tài chính và toàn quyền sử dụng thu nhập tăng thêm, khẳng định hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, tiêu thức rõ ràng về thế nào là hiệu quả hoạt động, cũng như việc hạch toán, quyết toán chênh lệch thu chi từ hoạt động thường xuyên được đánh giá là còn nhiều điểm yếu, khó khăn cho công tác

kiểm toán.

Với những nhận định, phân tích ở trên, tác giả đi tới đề xuất là luật NSNN cần quy định kiểm toán dự toán, kiểm toán hoạt động và kiểm toán quyết toán. Hơn thế nữa tổ chức công tác kiểm toán sẽ đối mặt với thách thức lớn đó là: Phải kiểm toán tất cả số liệu, báo cáo, kết quả hoạt động của mọi cấp, mọi ngành, mọi đơn vị thuộc phạm vi tài chính và NSNN.

Trong công tác tổ chức kiểm toán, thiết nghĩ ngoài kiểm toán nhà nước tác giả cho rằng cần lập ra cơ quan kiểm toán trực thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm kiểm toán ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, đảm bảo cho mọi số liệu, báo cáo, kết quả hoạt động của ngân sách cấp huyện, xã trước khi trình Hội đồng nhân dân huyện, xã đã được kiểm toán, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, việc thực thi kết luận kiểm toán và trách nhiệm của chủ tài khoản, người đứng đầu trong luật NSNN 2002 còn chưa rõ. Đây là nguyên nhân hàng đầu dẫn tới sử dụng ngân sách chưa hiệu quả, thu ngân sách trong những năm qua chưa đảm bảo chất lượng cao. Điều 58, 59 của luật kiểm toán nhà nước số 37/2005/QH11 ngày 14/6/2005 (Quốc hội, 2005) quy định việc công khai báo cáo kiểm toán và báo cáo kết quả thực hiện kết luận kiến nghị kiểm toán trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng quy định này chưa được thực thi một cách nghiêm túc. Hàng năm, theo công khai báo cáo kiểm toán năm của Tổng kiểm toán nhà nước cơ quan này đã đề nghị truy thu hàng chục nghìn tỷ đồng, nhưng ứng với nó là trách nhiệm của người đứng đầu, người chịu trách nhiệm cần xử lý lại không nhiều, các chế tài chưa mạnh, làm cho thực thi ngân sách yếu. Viết về điều này, Mạnh Bôn (2014) trên báo đầu tư viết: “Kết quả kiểm toán hàng năm cho thấy, sai phạm trong quản lý, sử dụng tiền, tài sản nhà nước ngày càng gia tăng. Bằng chứng là, trong 5 năm gần đây, cơ quan này đã kiến nghị xử lý 91.168 tỷ đồng, chiếm 62% tổng số kiến nghị xử lý tài chính kể từ năm 1995 trở lại đây. Nhưng các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chỉ nộp vào ngân sách, xử lý tài chính 60 - 70% tổng số tiền sai phạm đã được kết luận. Cụ thể, năm 2009 và 2010 chỉ xử lý được tương ứng chưa đến 69% và 72% số tiền mà kiểm toán Nhà nước kiến nghị truy thu, truy hồi, giảm chi cho ngân sách nhà nước. Thậm chí, tính

đến cuối năm 2013, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chỉ nộp lại ngân sách, giảm chi ngân sách được 65% trong trên tổng số tiền 14.518 tỷ đồng sai phạm bị phát hiện trong năm 2012”.

Việc quy định truy thu bằng cách trừ vào dự toán năm tiếp theo cần phải được mổ xẻ và phân tích, theo tác giả cần hạn chế tối đa truy thu trừ vào dự toán năm tiếp theo bằng cách quy định cụ thể hơn, quy định trách nhiệm lớn hơn theo hướng quy trách nhiệm cá nhân mà đặc biệt là người đứng đầu.

Những kiến nghị trên của tác giả xuất phát từ: (i) Thực trạng luật NSNN và kế toán công hiện hành ở Việt Nam, (ii) Xu hướng phát triển trong khoa học quản lý NSNN và kế toán công, (iii) Công nghệ và công nghệ thông tin áp dụng trong quản lý, quản trị và kế toán, mà cụ thể là giải pháp Oracle và quan điểm nghiên cứu của cá nhân tác giả. Tác giả mong nhận được trao đổi, góp ý của các nhà khoa học và các độc giả có quan tâm. □

Các thừa nhận/lời cảm ơn: *Tạp chí Kinh tế và phát triển là một tạp chí lớn, uy tín đầu ngành, tác giả mong nhận được sự hợp tác và tiếp sức của Tạp chí trong quá trình nghiên cứu kinh tế, tài chính và kế toán của mình, xin chân thành cảm ơn Tạp chí đã tạo môi trường tốt nhất cho các nhà nghiên cứu và cá nhân tôi.*

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 08/2013/TT - BTC hướng dẫn thực hiện kế toán Nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis)*, ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2013.
- Bộ Tài Chính (2014), *Quyết định 1188/2014/QĐ-BTC phê duyệt đề án “Tổng kế toán nhà nước”*, ban hành ngày 30 tháng 05 năm 2014.
- Chính phủ (2006), *Nghị định 43/2006/NĐ - CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*, ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2006.
- Danh ngôn nhân loại (2015)*, truy cập ngày 14 tháng 01 năm 2015 từ <<http://www.tudiendanhngon.vn/tabid/87/strcats/271/sw/o/charmode/true/default.aspx>>.
- Mạnh Bôn (2014), *Kết luận của kiểm toán sẽ không còn bị xem nhẹ (2015)*, truy cập ngày 14 tháng 01 năm 2015 từ <<http://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/ket-luan-cua-kiem-toan-nha-nuoc-se-khong-con-bi-xem-nhe-100725.html>>.
- Ngô Thanh Hoàng (2014), “*Lựa chọn phương án khả thi để lập báo cáo tài chính Nhà nước*”, *Hội thảo Báo cáo tài chính Nhà nước*, Chính phủ - Bộ Tài chính - Dự án GIZ, Quảng Ninh, tr. 103 - 114.
- Quốc hội (2002), *Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11*, ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2002.
- Quốc hội (2003), *Luật kế toán số 03/2003/QH11*, ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2003.
- Quốc hội (2005), *Luật kiểm toán nhà nước số 37/2005/QH11*, ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005.

Thông tin tác giả:

* **Ngô Thanh Hoàng**, Tiến sỹ

- *Tổ chức tác giả công tác: Trưởng bộ môn Kế toán công, Khoa tài chính công, Học Viện Tài chính*
- *Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, Tài chính, kế toán, kiểm toán*
- *Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Tài chính, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, Tạp chí Thanh tra, Bộ Tài chính*
- *Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: Hoangaof@yahoo.com*